

Bản án số:47/2018/DS-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:67/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:75/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn Đ, Văn phòng Luật sư Hữu N(Có mặt).

Địa chỉ: Số 41, đường 3/2, khu vực 3, phường Đ, thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Võ Thị Thu T, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn N (chồng chị T), sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm C, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Trần Văn Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Võ Thị Thu T làm chủ hội từ năm 2010, thời gian đầu chị T thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, lợi nhuận từ tiền hoa hồng và trực tiếp tham gia trong các dây hội để sử dụng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, sau đó chị T mở thêm nhiều dây hội nhằm thu hút nhiều hội viên tham gia, hội viên là những người sinh sống và mua bán tại thị xã H. Đến khoảng tháng 7/2012 (nhằm tháng 8/2012 ÂL), chị T mở 14 dây hội gồm: 02 dây hội 10 ngày 1.000.000đồng; 02 dây hội 10 ngày 2.000.000đồng; 02 dây hội ½ tháng 2.000.000đồng; 02 dây hội tháng 3.000.000đồng; 05 dây hội tháng 5.000.000đồng; 01 dây hội tháng 10.000.000đồng. Tiền hoa hồng chị T quy định chủ hội được hưởng 300.000đồng/phần đối với hội 1.000.000đồng; 600.000đồng/phần đối với hội 2.000.000đồng; 900.000đồng/phần đối với hội 3.000.000đồng; 1.500.000đồng/phần đối với hội 5.000.000đồng; 3.000.000đồng/phần đối với hội 10.000.000đồng.

Cách thức tham gia chơi hội: Mỗi 10 ngày, ½ tháng và một tháng (tính trong ngày của tháng tiếp theo) khui hội một lần, đến ngày khui hội thì các hội viên bỏ hội, ai bỏ hội cao nhất thì hốt hội. Nhưng trong các dây hội này, các hội viên tham gia bỏ hội không đầy đủ, hoặc không trực tiếp bỏ hội mà tin lời chị T nói hội bỏ bao nhiêu tiền thì hội viên đóng bấy nhiêu.

Trong quá trình làm chủ hội, chị T đã dùng thủ đoạn gian dối tự ý lấy tên hội viên khác hốt hội mà không có sự đồng ý của họ, chiếm đoạt tiền của nhiều hội viên, để choàng hội cho các hội viên đến kỳ hốt hội và chi xài cá nhân. Hành vi này được thực hiện ở 12 dây hội trong tổng số 14 dây hội do chị T làm chủ, đến ngày 15/8/2014 (nhằm ngày 20/7/2014 ÂL) chị T không còn khả năng choàng hội nên tuyên bố vỡ hội. Các nguyên đơn đã làm đơn tố giác yêu cầu xác minh làm rõ xử lý Võ Thị Thu T theo quy định pháp luật. Sau đó, Tòa án nhân dân thị xã H xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018/HS-PT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử buộc chị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị H số tiền chiếm đoạt là 5.700.000đồng.

Năm 2013, chị T làm chủ hội, mở nhiều dây hội với các phần góp hội khác nhau. chị H đã tham gia nhiều dây hội gồm hội mười ngày, hội ½ tháng và hội tháng với giá trị hội gồm 2.000.000đồng, 5.000.000đồng, 10.000.000đồng. chị H đã góp hội đầy đủ và chị T tuyên bố bẻ hội. Tại tờ tự khai đề ngày 24/11/2014 và biên bản đối chiếu nợ hội ngày 29/6/2016, chị T thừa nhận còn nợ chị H số tiền 103.490.000đồng trừ số tiền chiếm đoạt 5.700.000đồng, còn lại 97.790.000đồng.

Đồng thời, chị H làm chủ hội, thì chị T có tham gia chơi hội ngày, giá trị mỗi phần hội là 50.000đồng và hốt 20 phần hội với số tiền 44.200.000đồng; hội ½ tháng, giá trị mỗi phần hội là 2.000.000đồng, chị T tham gia 02 phần hội, sau

khi lãnh hội thì chị T còn nợ lại 10 lần góp hội với số tiền chưa góp là 40.000.000đồng. Tổng cộng 02 khoản là 181.990.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Trần Văn Đ yêu cầu chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Trần Thị H số tiền hội còn thiếu gốc 181.990.000đồng. Đồng thời, chị Trần Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chiếm đoạt 5.700.000đồng trong vụ án hình sự nêu trên; không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không ý kiến bổ sung.

Trong văn bản ghi ý kiến, bị đơn là chị Võ Thị Thu T trình bày: Khoảng năm 2010, chị tiến hành vận động hội viên chơi hội. Trong đó, chị mở 14 dây hội gồm: 02 dây hội 10 ngày 1.000.000đồng, 02 dây hội 10 ngày 2.000.000đồng, 02 dây hội 15 ngày 2.000.000đồng, 02 dây hội tháng 3.000.000đồng, 05 dây hội tháng 5.000.000đồng. Trong quá trình lập các dây hội, chị chỉ hưởng hoa hồng của mỗi dây hội khi khai hội. Do trong quá trình làm chủ hội, có một số hội viên giật hội, chị phải đóng thay cho các hội viên đó. Thời gian dài chị không còn khả năng choàng hội nữa, vì vậy, chị tự ý lấy tên của các hội viên không tham gia khai hội và tự bỏ thăm với số tiền cao để được hốt hội nhằm mục đích choàng hội cho những người đã giật hội. Hành vi của chị đã bị khởi tố với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phúc thẩm tuyên phạt 07 năm 03 tháng tù giam.

Những người khởi kiện nêu trên là những người yêu cầu xử lý hình sự đối với chị. Trong quá trình Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra, thì Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong hết toàn bộ sổ sách theo dõi hội của chị, cho nên chị không được tiếp cận những tài liệu này. Vì vậy khi cơ quan điều tra lập biên bản đối chiếu nợ tiền hội, làm tờ tự khai hội viên nói chị nợ bao nhiêu thì chị nhận bấy nhiêu chứ chị không xác định được nợ, hơn nữa lúc đó tinh thần của chị quá hoảng loạn và rất sợ. Thực tế đến thời điểm hiện nay chị không xác định là chị choàng nợ hội cho một số hội viên là bao nhiêu tiền, số hội viên đã hốt hội từng dây hội như thế nào, số hội viên sống của từng dây hội còn lại bao nhiêu người, số hội viên giật hội bao nhiêu...xác định tiền gốc mà hội viên đóng là bao nhiêu, còn lại bao nhiêu.

Những người khởi kiện nêu trên họ căn cứ vào các biên bản đối chiếu nợ hội, tờ tự khai của chị để khởi kiện, nhưng số nợ trong biên bản đối chiếu và tờ tự khai, chị cho rằng chưa chính xác. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ về hội do chị làm chủ hội mà cơ quan điều tra tỉnh đồng Tháp đang thu giữ để đối chiếu lại nợ hội của từng người nhằm xác định chính xác số nợ mà chị còn nợ.

Qua các yêu cầu của các nguyên đơn, chị T không thống nhất, vì khi vỡ hội do chị quá sợ và cũng không xác định còn nợ bao nhiêu, nên nhận bừa mà thôi.

Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết đã tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Văn N các văn bản tố tụng, nhưng anh Nhớ vẫn không có văn bản ghi ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng ; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 5.700.000đồng; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 181.990.000đồng.

Chị Trần Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị H yêu cầu chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả tiền hụi còn thiếu gốc 181.990.000đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.700.000đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Chị Võ Thị Thu T thừa nhận tờ tự khai đề ngày 24 tháng 11 năm 2014 là do chị tự viết và ký tên, cụ thể thừa nhận còn thiếu rất nhiều người, trong đó có chị H số tiền 103.490.000đồng; theo biên bản đối chiếu nợ tiền hụi đề ngày 29 tháng 6 năm 2016, giữa chị Trần Thị H với chị Võ Thị Thu T, thì chị T vẫn thừa nhận còn nợ chị H số tiền 103.490.000đồng và chị H yêu cầu xử lý hình sự đối với chị Võ Thị Thu T, và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018/HS-PT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bị cáo Võ Thị Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù và có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại số tiền chiếm đoạt, trong đó có chị Trần Thị H số tiền 5.700.000đồng.

[4] Đối với số tiền 84.200.000đồng: chị H làm chủ hụi và chị T là hụi viên, có tham gia chơi hụi ngày, giá trị mỗi phần hụi là 50.000đồng và hốt 20 phần hụi với số tiền 44.200.000đồng; hụi ½ tháng, giá trị mỗi phần hụi là

2.000.000đồng, chị T tham gia 02 phần hội, sau khi lãnh hội thì chị T còn nợ lại 10 lần góp hội với số tiền chưa góp là 40.000.000đồng. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không cung cấp văn bản ghi ý kiến, không phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H yêu cầu anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới trả tiền hội còn thiếu, xét thấy: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 09/2018 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật. Đã nhận định: “..Bị cáo T lợi dụng sự quen biết với những người mua bán ở chợ và người thân thích với bị cáo, bị cáo đã tổ chức chơi hội và làm chủ hội (đầu thảo) để hưởng hoa hồng từ năm 2010, ngoài việc làm chủ hội bị cáo cũng trực tiếp tham gia trong các dây hội để được lợi nhuận và nhận tiền hoa hồng để sử dụng chi tiêu sinh hoạt gia đình,..”. Do đó, cần thiết phải buộc anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới cùng với chị T để trả tiền hội cho chị H.

[6] Ngày 11 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã H ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 21/2018/QĐST-DS gửi cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp, về việc thu thập tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ theo dõi hội, tờ tự khai, các biên bản đối chiếu nợ hội liên quan đến vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do chị Võ Thị Thu T làm chủ hội, nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H để điều tra theo thẩm quyền; ngày 20 tháng 9 năm 2017, vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm (theo bản án số 32/2017/HS-ST) và ngày 17 tháng 01 năm 2018, vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm (theo bản án số 09/2018/HS-PT), nên Tòa án nhân dân thị xã H không thu thập được tài liệu, chứng cứ trên.

[7] Chị Võ Thị Thu T khai: Chị có làm chủ 14 dây hội trên; khi cơ quan điều tra lập biên bản đối chiếu nợ tiền hội, làm tờ tự khai hội viên nói chị nợ bao nhiêu thì chị nhận bấy nhiêu chứ chị không xác định được nợ, hơn nữa lúc đó tinh thần của chị quá hoảng loạn và rất sợ, nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận, nên không chấp nhận lý lẽ này.

[8] Tòa án nhân dân thị xã H đã triệu tập trực tiếp bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để đối chất với nguyên đơn về tiền hội trên, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất được.

[9] Xét về tiền lãi: Do chị Trần Thị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Trần Thị H là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[11] Để đảm bảo quyền lợi cho chị Trần Thị H trong quá trình thi hành án, kể từ khi chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[12] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 5.700.000đồng; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 181.990.000đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[13] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Chị Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[15] Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 5.700.000đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho chị Trần Thị H số tiền hụi còn thiếu gốc là 181.990.000đồng (*Một trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 4.687.000đồng (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:02606 ngày 10 tháng 4 năm 2018 và biên lai số:02640 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.099.500đồng (*Chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 11 năm 2018). Đối với chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung